

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 22/9/2022

“V/v: Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Văn Tình.

Các Hội thẩm nhân dân

1. Ông Nguyễn Ngọc Thắng.

2. Bà Lê Thị Thận.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh Tâm.

Trong ngày 22 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 115/2022/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 6 năm 2022, về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167a/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Mộng L, sinh năm 1987. (Xin vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn 6, xã NT, huyện B, tỉnh Bình Phước.

2. *Bị đơn:* Anh Hồ Thanh PH, sinh năm 1976. (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn 6, xã NT, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 27/5/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Mộng L trình bày:**

Chị và anh Hồ Thanh PH tự nguyện tìm hiểu và chung sống từ đầu năm 2006. Đến năm 2010 đăng ký kết hôn và được ủy ban nhân dân xã NT, huyện B, tỉnh Bình Phước cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống hôn nhân của chị và anh PH thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh PH₁

không quan tâm chăm sóc gia đình, không lo làm ăn, hay đi cùng bạn bè tụ tập ăn chơi. Năm 2014 bị Tòa án nhân dân huyện BM, tỉnh Bình Phước xử phạt về Tội đánh bạc; năm 2016 tiếp tục bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt về tội đánh bạc. Chị đã khuyên anh PH nhiều lần nhưng anh PH không thay đổi tính cách nên tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, đến nay lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể tiếp tục sống chung. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Hồ Thanh PH.

Về con chung: Chị và anh PH có 02 con chung là Hồ Trần Hoàng H, sinh ngày 04/9/2007 và Hồ Ngọc Gia Nh, sinh ngày 05/5/2010. Chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng các con chung, không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị làm nhiều công việc tự do, thu nhập bình quân một tháng là 8.000.000đ, có đủ thời gian và điều kiện nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn anh Hồ Thanh PH quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc; không gửi ý kiến cho Tòa án và không tham gia phiên tòa sơ thẩm.**

*** Tại biên bản xác minh tình trạng mâu thuẫn gia đình giữa Tòa án nhân dân huyện B với đại diện chính quyền địa phương nơi anh PH chị L sinh sống thể hiện anh PH và chị L sinh sống tại địa phương nhưng không biết được có phát sinh mâu thuẫn hay không.**

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện B phát biểu ý kiến: Về tố tụng Tòa án thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền, đảm bảo thủ tục tố tụng; Về nội dung, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết nguyên đơn có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, việc làm đơn của đương sự là tự nguyện. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu ly hôn của chị L: Căn cứ lời khai của đương sự và tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện chị L và anh PH tự nguyện tìm hiểu và chung sống từ năm 2006; đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã NT, huyện B cấp giấy chứng nhận kết hôn số 96/2010, ngày 27/7/2010. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh PH là hôn nhân là hợp pháp, theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014.

Về tình trạng mâu thuẫn: Quá trình giải quyết vụ án chị L cho rằng anh PH

không quan tâm chăm lo gia đình, hay đi cùng bạn bè tụ tập ăn chơi và bị Tòa án xét xử.

Căn cứ lời trình bày của chị L và tài liệu thu thập tại Tòa án nhân dân huyện B thể hiện bị đơn anh Hồ Thanh PH nhiều lần bị Tòa án xét xử về Tội đánh bạc, cụ thể: Tòa án nhân dân huyện BM, tỉnh Bình Phước xử phạt về Tội đánh bạc tại Bản án hình sự sơ thẩm số 67/2014/HSST ngày 07/7/2014; Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xử phạt về Tội đánh bạc tại Bản án hình sự phúc thẩm số 60/2016/HSPT, ngày 11/8/2016. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh PH theo quy định nhưng anh PH không gửi ý kiến và không tham gia phiên tòa sơ thẩm.

Từ những nhận định và chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử thấy có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa chị L và anh PH đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L theo quy định tại các Điều 51 và 56 Luật hôn nhân & gia đình là phù hợp.

[3] Về con chung: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ và lời khai đương sự thể hiện chị L và anh PH có 02 con chung là Hồ Trần Hoàng H, sinh ngày 04/9/2007 và Hồ Ngọc Gia Nh, sinh ngày 05/5/2010. Quá trình giải quyết vụ án chị L có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng các con chung Phan không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử thấy: Hiện nay các con chung của chị L và anh PH đều có nguyện vọng được ở với chị L trong trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn. Anh PH không gửi ý kiến và không tham gia phiên tòa sơ thẩm nên coi như tự từ bỏ quyền lợi của mình. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển của con chưa thành niên, cần thiết giao các con chung cho chị L nuôi dưỡng là phù hợp. Các bên không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết. Các bên có quyền thăm **nom** con và yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân & gia đình năm 2014 là phù hợp.

[4] Về tài sản, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH16 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82; Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân & gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Mộng L đối với bị đơn anh Hồ Thanh PH; chị Trần Thị Mộng L được ly hôn với anh Hồ Thanh PH.

2. Về con chung: Giao các con chung Hồ Trần Hoàng H, sinh ngày 04/9/2007 và Hồ Ngọc Gia Nh, sinh ngày 05/5/2010 cho chị Trần Thị Mộng L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung thành niên.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Bên không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Mộng L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000476 ngày 07/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- CCTHADS huyện B;
- UBND xã NT;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lường Văn Tình

